

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG MÃ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2018/HSST
Ngày 13 tháng 7 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG MÃ, TỈNH SƠN LA

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Bá Toàn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Phúc

2. Ông Lò Văn Thôn

- Thư ký phiên toà:

Bà Hà Thị Diệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sông Mã.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã tham gia phiên toà:

Bà Lò Thị Thanh - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Mã xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 72/2018/HSST ngày 14 tháng 3 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2018/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Thị X** (Tên gọi khác: Quàng Thị H) - Sinh năm 1977; Nơi ĐKKHKT: bản P, xã Đ, huyện S, Sơn La; Hiện tạm trú tại: bản T, xã N, huyện S, Sơn La; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lò Văn V (đã chết), con bà Lò Thị N; Bị cáo có chồng nhưng đã ly hôn và có 03 con, con lớn nhất đã trưởng thành, con nhỏ nhất 04 tuổi. Hiện bị cáo đang chung sống như vợ chồng với Quàng Văn N tạm trú tại bản T, xã N, huyện S, Sơn La; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, giam từ ngày 06/02/2018 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Hoàng Thị S - Sinh năm 1967

Địa chỉ: Tổ dân phố 5, thị trấn S, huyện S, Sơn La. Vắng mặt

- Quàng Thị N - Sinh năm 1992

Đại chỉ: Bản L, xã M, huyện S, Sơn La. Vắng mặt.

*** Người phiên dịch: Lò Thị Thảo**

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Sông Mã, huyện Sông Mã, Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12^h15' ngày 06/02/2018 Tổ công tác Công an huyện Sông Mã làm nhiệm vụ tại Tổ dân phố 5, thị trấn Sông Mã phát hiện bắt quả tang tại phòng trọ của gia đình ông Nguyễn Quang H tại Tổ dân phố 5 có Lò Văn C trú tại bản N, xã H, huyện S và Quàng Thị N trú tại bản L, xã M, huyện S đang có hành vi mua bán dâm. Vật chứng thu giữ: Thu giữ tại túi áo khoác bên phải của Quàng Thị N số tiền 300.000đ và 04 bao cao su nhãn hiệu OKMEN, thu tại trên giường 01 bao cao su đã qua sử dụng, tạm giữ của bà Hoàng Thị S (vợ ông H) số tiền 100.000đ (là tiền C trả phòng trọ), tạm giữ của N01 điện thoại di động.

Qua đấu tranh Lò Văn C và Quàng Thị N khai việc mua bán dâm là do Lò Thị X tạm trú tại bản T, xã N, huyện S (Đăng ký HKTT: bản P, xã Đ, huyện S Sơn La) dẫn dắt, môi giới. Cùng ngày Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Mã đã ra lệnh giữ người và bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Thị X và Lệnh khám xét nơi ở của X, quá trình khám xét tạm giữ của X số tiền 6.160.000đ và 01 điện thoại di động.

Tại cơ quan điều tra Lò Thị X khai nhận: Lò Thị X cùng Quàng Văn N tạm trú và mở quán tại bản T, xã N, huyện S. Khoảng 10^h ngày 06/02/2018 tại quán của X có Lò Văn C và Lò Đức T đều trú tại bản N, xã H, huyện S đến để ăn cơm, trong khi X đang nấu ăn trong bếp, C đến chỗ X đặt vấn đề bảo X gọi gái để bán dâm cho C, X đồng ý, C đưa cho X số tiền 400.000đ nói là tiền để mua dâm và tiền trả công cho X rồi vào ăn cơm. Lúc này X gọi điện cho Quàng Thị N là gái bán dâm đang tạm trú tại bản T, xã N, huyện S đến bán dâm, N đồng ý nhưng nói không có xe nên X bảo Quàng Văn N đi đón N sau khi được N đón đến quán thì N đi vào uống rượu cùng C, T, khoảng 02 phút sau X gọi N ra ngoài cửa quán và bảo N đi bán dâm cho C đồng thời đưa cho N số tiền 300.000đ (X giữ lại 100.000đ là tiền công môi giới), N nhận tiền rồi tiếp tục vào uống rượu cùng mọi người.

Tại cơ quan điều tra Lò Văn C và Quàng Thị N khai nhận: Đến khoảng 12^h cùng ngày sau khi uống rượu xong, C và N đến thuê phòng trọ của bà Hoàng Thị S (chồng là Nguyễn Quang H) tại Tổ dân phố 5, thị trấn S, huyện S để mua bán dâm, tại đây khi N và C đang thực hiện hành vi mua bán dâm thì bị Tổ công tác Công an huyện Sông Mã phát hiện bắt quả tang, thu giữ một số vật chứng liên quan.

Ngoài ra Lò Văn C và Lò Đức T còn khai nhận trước đó vào ngày 02/02/2018 Lò Thị X cũng môi giới cho Hà Thị Tg tạm trú tại bản T, xã N, huyện S bán dâm cho C.

Do có hành vi nêu trên tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSSM ngày 12 tháng 4 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã đã truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Sông Mã để xét xử Lò Thị X về tội Môi giới mại dâm, theo khoản 1 Điều 328 BLHS.

Tại phiên toà kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội Môi giới mại dâm; Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo từ 10 - 15 tháng tù; Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Áp dụng Áp dụng điểm c khoản, khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu sung công quỹ số tiền 100.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có, 300.000đ của Quảng Thị N, chiếc điện thoại di động thu của bị cáo; trả lại bà Hoàng Thị S số tiền 100.000đ; tịch thu tiêu hủy 05 bao cao su; trả lại cho bị cáo số tiền 6.060.000đ.

Tại phiên tòa khi được nói lời sau cùng bị cáo thừa nhận hành vi của mình đã vi phạm pháp luật,; bị cáo đề nghị Tòa án xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Sông Mã, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa các thành viên của Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thủ tục tố tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Lò Thị X thừa nhận toàn bộ hành vi, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai như đã khai tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Mã, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án và hoàn toàn nhất trí với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Mã. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện - Lời

khai nhận tội của bị cáo phù hợp với thời gian, địa điểm, diễn biến việc thực hiện tội phạm. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của Lò Văn C về việc vào tối ngày 06/02/2018 tại quán của Lò Thị X, C đã nhờ X dẫn dắt gái để bán dâm cho C, C đã đưa cho X số tiền 400.000đ để trả cho gái bán dâm và trả tiền công cho X. Lời khai của bị cáo cũng phù hợp với lời khai của Quảng Thị N về việc tối ngày 06/02/2018 X đã gọi điện cho N bảo N đi bán dâm, khi N đến quán của X, X đã trả cho N số tiền 300.000đ là tiền bán dâm. Lời khai của bị cáo cũng phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang lập vào hồi 12h15 ngày 06/02/2018 về việc Tổ công tác Công an huyện Sông Mã đã bắt quả tang Lò Văn C và Quảng Thị N đang có hành vi mua bán dâm, việc mua bán dâm là qua sự dẫn dắt của Lò Thị X.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 06/02/2018 sau khi được Lò Văn C đặt vấn đề dẫn dắt gái để bán dâm cho C, Lò Thị X đã nhất trí và đã nhận với C số tiền 400.000đ, sau đó đã gọi cho Quảng Thị N đến bán dâm cho Lò Văn C. Hành vi làm trung gian, dẫn dắt để người khác thực hiện việc mua dâm, bán dâm của Lò Thị X đã phạm tội Môi giới mại dâm, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 328 Bộ luật hình sự.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải - là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Tuy nhiên hành vi của bị cáo không chỉ trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, đồng thời còn xâm phạm đến đạo đức xã hội, truyền thống và thuần phong mỹ tục của dân tộc; Hội đồng xét xử thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, răn đe và phòng chống tệ nạn mại dâm tại địa phương.

[4] Về hình phạt bổ sung: Khoản 4 Điều 328 BLHS quy định: “ Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000đồng đến 500.000.000đồng ”, do đó bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên Cơ quan điều tra đã làm rõ gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Đối với số tiền 6.560.000đ xét thấy 100.000đ là tiền do bị cáo phạm tội mà có cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, số tiền 300.000đ thu của Quảng Thị N cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước, số tiền 100.000đ thu của bà Hoàng Thị S là tiền do bà S thu tiền phòng nghỉ nên cần trả lại, số tiền 6.060.000đ do không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Đối với chiếc điện thoại di động thu của bị cáo là công cụ thực hiện tội

phạm cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước. Đối với 05 bao cao su cần tịch thu tiêu hủy. Đối với chiếc điện thoại thu của N, cơ quan điều tra đã trả lại cho N là đảm bảo theo quy định.

[6] Về vấn đề khác liên quan đến vụ án: Theo Lò Văn C và Lò Đức T khai nhận trước đó vào ngày 02/02/2018 X cũng dẫn dắt, môi giới cho Hà Thị T tạm trú tại bản T, xã N, huyện S bán dâm cho C. Qua đối chất thì X không thừa nhận việc môi giới T để bán dâm, T cũng không thừa nhận việc bán dâm cho C, ngoài lời khai của C, T ra không có căn cứ nào khác chứng minh, nên không có căn cứ để buộc X phải chịu TNHS về hành vi phạm tội nhiều lần theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 328 BLHS.

Đối với Lò Văn C, Quàng Thị N có hành vi mua dâm, bán dâm ngày 23/3/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đảm bảo quy định.

Đối với Quàng Văn N là người dùng xe mô tô đi đón N về quán của của X, quá trình điều tra xác minh đã xác định được N không được biết việc X bảo N đến đón là để N bán dâm, do đó hành vi của N không có vai trò đồng phạm trong vụ án, nên cơ quan điều tra không xử lý là đảm bảo quy định.

Đối với Hoàng Thị S là người cho C, N thuê phòng để mua bán dâm, quá trình điều tra, xác minh bà S không biết mục đích thuê phòng của C, N là để mua bán dâm và không quen biết với Lò Thị X nên không đặt vấn đề xử lý là đảm bảo theo quy định.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Lò Thị X (tên gọi khác Quàng Thị H) phạm tội Môi giới mại dâm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 328; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Thị X 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 06 tháng 02 năm 2018.

2- Về vật chứng vụ án:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) bao cao su chưa qua sử dụng và 01(một) bao cao su đã qua sử dụng.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước:

+ Số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng) thu của bị cáo là tiền do phạm tội mà có.

+ 01 (một) điện thoại di động mobile LV 181 số Imel 840170181027066 thu của bị cáo.

+ Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) thu của Quàng Thị N.

- Trả lại cho bà Hoàng Thị S số tiền 100.000đ (một trăm ngàn đồng).

- Trả lại cho bị cáo số tiền 6.060.000đ (sáu triệu không trăm sáu mươi ngàn đồng)

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 30/3/2018 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Mã.

3- Về án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; các Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội :

Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 13/7/2018, những người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết ./.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- VKSND huyện
- Công an huyện;
- Trại giam;
- THA hình sự ;
- CCTHA Dân sự;
- Sở TP;
- Bị cáo ;
- Người có quyền lợi lq;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Toàn